

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2018
V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2018, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Th, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 178/14 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Hà Thị Th là anh Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ: 19/32 Nguyễn An Ninh, khu phố Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, làm đại diện theo ủy quyền, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1976;

Thường trú: 178/14 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Hà Thị Th là anh Đậu Đức N trình bày: Chị Hà Thị Th và anh Trương Văn T là vợ chồng kết hôn vào năm 2004 nhưng đã ly hôn theo Bản án số 53/2015/HNGĐ-ST, ngày

04/8/2015 của Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống chị Th, anh T tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 99,43m² thuộc thửa đất số 1627, tờ bản đồ E5 tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL201753, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04641 do Ủy ban nhân dân thị xã D cấp ngày 13/12/2012 cho anh Trương Văn T và chị Hà Thị Th. Nguồn gốc nhà đất tranh chấp là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của Công ty cổ phần xây dựng – Tư vấn – Đầu tư Bình Dương, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 1093, quyển số 02TP/CC –SCC/HĐGD ngày 15/02/2012 tại Văn phòng công chứng T. Khi ly hôn, giữa chị Th và anh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017 chị Th yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 99,43m² và tài sản là nhà gắn liền đất. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành đo đạc thì diện tích đất thực tế chỉ còn là 99,4m², nên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Đậu Đức N xác định tài sản chung của chị Th và anh T là quyền sử dụng đất có diện tích đất theo đo đạc thực tế là 99,4m² và tài sản là nhà gắn liền trên đất. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất, chị Th yêu cầu chia đôi phần nhà đất trên yêu cầu được chia bằng hiện vật, đồng ý hoàn trả cho anh T ½ giá trị nhà đất tranh chấp. Ngoài ra các tài sản gồm đồng hồ nước, điện kế chính... chị Th không tranh chấp.

Đối với bị đơn anh Trương Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu anh Trương Văn T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Th nhưng anh T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào các ngày 23/5/2018 và ngày 13/6/2018, Tòa án triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đối với anh T nhưng anh vẫn vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ tài liệu do Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Hà Thị Th có đơn yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị và anh Trương Văn T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án là tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn. Tài sản các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết là bất động sản tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 10/7/2018 và ngày 27/7/2018 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – chi nhánh A: Tại công văn số 242/MB-APH, ngày 28/3/2018 về việc phúc đáp đề nghị cung cấp thông tin số 19/TA-DS, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – chi nhánh A xác định: Anh Trương Văn T và chị Hà Thị Th đã từng vay tại ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh A theo HĐTC số 5114.154.1877104.BĐ, tại thời điểm ngày 27/3/2018 Ngân hàng xác nhận khách hàng đã tắt toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng. Ngày 05/6/2015 Ngân hàng đã xuất tài sản bảo đảm, kèm theo đơn đăng ký xóa thế chấp để khách hàng thực hiện việc xóa thế chấp trên tài sản bảo đảm này. Do đó, Tòa án không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh A vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với ông Đoàn Văn L: Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018 của Tòa án ông L xác định ngày 07/01/2017 anh T có thỏa thuận bán nhà đất của chị Th, anh T cho ông L, anh T có nhận số tiền 60.000.000 đồng và có làm giấy đặt cọc cho ông L, tuy nhiên trong giấy đặt cọc chỉ có chữ ký của anh T, không có chữ ký của chị Th. Anh T có hẹn trong vòng 06 tháng sẽ làm thủ tục sang tên nhà đất cho ông L, nhưng sau đó thì việc giao dịch, mua bán giữa anh T và ông L không thực hiện được. Đến tháng 10/2017 ông L đã khởi kiện anh T ra Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An yêu cầu anh T phải trả cho ông L số tiền 60.000.000 đồng, quyền lợi của ông L đã được giải quyết bằng bản án số 23/DS-ST/2018 ngày 29/3/2018. Vì vậy, trong vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị Hà Thị Th và anh Trương Văn T thì ông L không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì. Do đó, Tòa án không đưa ông Đoàn Văn L vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Chị Hà Thị Th và anh Trương Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 2004, đến năm 2015 vợ chồng ly hôn theo bản án số 53/2015/HNGĐ-ST, ngày 04/8/2015. Chị Th xác định Quyền sử dụng đất diện tích 99,4m² đang tranh chấp tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL201753, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04641 do Ủy ban nhân dân thị xã D cấp ngày 13/12/2012 cho anh Trương Văn T và chị Hà Thị Th là do chị Th, anh T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân từ việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần xây dựng – Tư vấn – Đầu tư Bình Dương, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 1093, quyền số 02TP/CC –SCC/HĐGD ngày 15/02/2012 tại Văn phòng công chứng T. Anh T

vắng mặt trong suốt trình tố tụng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì và cũng không thể hiện ý gì về nguồn gốc tài sản mà chị Th đang tranh chấp. Vì vậy, có thể khẳng định tài sản mà chị Th tranh chấp với anh T là tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về giá trị tài sản tranh chấp: Theo biên bản định giá Hội đồng định giá đã xác định. Quyền sử dụng đất có giá $12.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 99,4\text{m}^2 = 1.242.500.000$ đồng; nhà cấp 4 loại 1 tầng có giá $3.700.000 \text{ đồng/m}^2 \times 51,7\text{m}^2 \times 70\% = 133.903.000$ đồng; nhà tạm có giá $2.630.000 \text{ đồng/m}^2 \times 47,75\text{m}^2 \times 70\% = 87.907.750$ đồng; gác bê tông có giá $410.000 \text{ đồng/m}^2 \times 25\text{m}^2 \times 70\% = 7.175.000$ đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 1.471.485.750 đồng. Đối với các tài sản khác là đồng hồ nước, điện kế chính ... nguyên đơn không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Chị Hà Thị Th tranh chấp yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị với anh Trương Văn T là Quyền sử dụng đất diện tích $99,4\text{m}^2$ và tài sản gắn liền đất là nhà. Chị Th yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung yêu cầu nhận bằng hiện vật và đồng ý thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung. Xét thấy, hiện chị Th đang trực tiếp nuôi con nhỏ, các cháu đang còn trong độ tuổi đến trường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất và công trình trên đất cho chị Th quản lý, sử dụng. Chị Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh T 50% giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất.

Chia cho chị Hà Thị Th được hưởng số tiền 735.742.875 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương 50% giá trị nhà đất tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương và chia bằng hiện vật.

Chia cho anh Trương Văn T được hưởng số tiền 735.742.875 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương 50% giá trị nhà đất tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương và chia bằng giá trị.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[9] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn chị Hà Thị Th tự nguyện chịu là 2.366.834 đồng được khấu trừ tiền chi phí tạm ứng đã nộp.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Th và anh Trương Văn T mỗi người phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 147, 157, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 27, 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Phân chia tài sản chung của chị Hà Thị Th và anh Trương Văn T như sau:

- Chia cho anh Trương Văn T được hưởng số tiền 735.742.875 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương 50% giá trị nhà đất tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Chia cho chị Hà Thị Th được hưởng số tiền 735.742.875 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương 50% giá trị nhà đất tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Buộc anh Trương Văn T có trách nhiệm giao cho chị Hà Thị Th được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 99,4m² (đất ở) có nhà gắn liền đất, tọa lạc khu dân cư dịch vụ Tân Bình, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Chị Hà Thị Th được quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai.

Chị Hà Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh Trương Văn T số tiền 735.742.875 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) từ tài sản chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Th phải chịu 33.429.715 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười lăm đồng), được khấu trừ 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018729, ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chị Hà Thị Th còn phải nộp 30.929.715 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười lăm đồng). Anh Trương Văn T phải chịu 33.429.715 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn chị Hà Thị Th tự nguyện chịu là 2.366.834 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) được khấu trừ tiền chi phí tạm ứng đã nộp.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CCTHA DS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Minh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

